

Bản án số: 275/2019/DS-ST
Ngày: 26-8-2019
V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**N DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN N DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Định.

Các Hội thẩm N dân:

1. Bà Nguyễn Phước Trinh.

2. Bà Phạm Thị Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn H Thủy - Thư ký Tòa án N dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát N dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Nguyễn Anh Thương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án N dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 311/2018/TLST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 149/2019/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 112/2019/QĐST-DS ngày 05 tháng 08 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Liễu Thị Xuân H, sinh năm 1973 (có mặt).

Địa chỉ: 84/1/83 đường Khu B, xã A, huyện L, Tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Bà Đào Thị Kim L, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 08 đường N, tổ 3, khu phố 2, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Hoàng N, sinh năm 1971 (vắng mặt).

Địa chỉ: 84/1/83 đường K, xã A, huyện L, Tỉnh Đồng Nai.

4. Người làm chứng:

Bà Đặng Thị P, sinh năm 1967 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp X, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện nộp ngày 29/6/2018, lời khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn – bà Liễu Thị Xuân H trình bày:

Do chỗ quen biết thân tình đã lâu nên ngày 01/2/2018, bà có chuyển khoản tại ngân hàng Sacombank cho bà Đào Thị Kim L mượn số tiền là 60.000.000 đồng; ngày 12/02/2018, bà đưa tiền mặt cho bà Đào Thị Kim L mượn số tiền là 80.000.000 đồng; ngày 26/2/2018, bà có chuyển khoản tại ngân hàng Sacombank cho bà Đào Thị Kim L mượn số tiền là 31.000.000 đồng; ngày 19/4/2018, bà cho bà Đào Thị Kim L mượn số tiền là 79.000.000 đồng. Tổng cộng bà cho bà L mượn 250.000.000 đồng, vì chỗ thân

tình quen biết nên mỗi lần mượn tiền bà L không ghi giấy mượn tiền cho bà. Đến ngày 04/6/2018, bà L viết giấy có mượn của bà 250.000.000 đồng và hẹn đến ngày 18/6/2018 sẽ hoàn trả cho tôi số tiền nêu trên, có bà Đặng Thị P làm chứng, nhưng đến hôm nay bà L vẫn chưa trả tiền cho bà. Bà H xác định khoản tiền bà L nợ bà là khoản nợ riêng của bà L. Bà H chỉ khởi kiện đối với cá N bà L.

Bà H yêu cầu bà L trả cho bà H số tiền 250.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi. Bà L phải thanh toán một lần ngay sau khi bản án phát sinh hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như trên.

Tại bản tự khai ngày 23/11/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Nguyễn Hoàng N trình bày:

Ông thống nhất với bản tự khai của vợ ông là bà Liễu Thị Xuân H đã khai, ông xác định số tiền 250.000.000 đồng mà bà H cho bà L mượn là tài sản riêng của bà H, không liên quan đến ông nên ông xin vắng mặt trong các buổi công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử.

Tại bản tự khai ngày 23/11/2018, người làm chứng là bà Đặng Thị P trình bày:

Bà không có liên quan gì với bà Liễu Thị Xuân H và bà Đào Thị Kim L, trước đây bà là người làm chung công ty với bà Đào Thị Kim L, ngày 04/6/2018, bà có chứng kiến bà Đào Thị Kim L vay của bà Liễu Thị Xuân H số tiền 250.000.000 đồng và có ghi giấy nợ dưới sự chứng kiến của bà.

Đối với bị đơn là bà Đào Thị Kim L dù đã được Tòa án N dân huyện Củ Chi tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập họp lệ đến lần thứ 02 nhưng bà L vẫn không đến Tòa để giải quyết vụ kiện và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án nên Tòa án phải mở phiên tòa xét xử vắng mặt bà L để Hội đồng xét xử xem xét và quyết định là phù hợp.

Đối với ông Nguyễn Hoàng N đã được Tòa án N dân huyện Củ Chi tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập họp lệ, nhưng ông N có đơn xin vắng mặt nên Tòa án phải mở phiên tòa xét xử vắng mặt ông N để Hội đồng xét xử xem xét và quyết định là phù hợp.

Đối với người làm chứng là bà Đặng Thị P đã có bản tự khai và có đơn xin vắng mặt, lời khai của bà P đã đầy đủ nên Tòa án vẫn mở phiên tòa xét xử vắng mặt bà P để Hội đồng xét xử xem xét và quyết định là phù hợp.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát N dân huyện Củ Chi:

- Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về thẩm quyền thụ lý; giải quyết vụ án; về việc xác định tư cách tham gia tố tụng; việc xác minh, thu thập, giao nhận chứng cứ cũng như về trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý vụ án cho Viện kiểm sát và đương sự; Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử vụ án. Nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Tòa án đã vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử, tuy nhiên vi phạm trên không làm thay đổi bản chất vụ án, không làm ảnh hưởng đến tính khách quan, toàn diện, đầy đủ và chính xác khi giải quyết vụ án, đề nghị Tòa án rút kinh nghiệm.

- Về nội dung, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Viện kiểm sát N dân huyện Củ Chi đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Liễu Thị Xuân H.

Buộc bị đơn bà Đào Thị Kim L phải có trách nhiệm trả cho bà H số tiền 250.000.000 (hai trăm năm mươi lăm triệu) đồng. Việc thi hành được thực hiện một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Theo nội dung đơn khởi kiện nộp ngày 29/6/2018, nguyên đơn là bà Liễu Thị Xuân H yêu cầu Tòa án buộc bà Đào Thị Kim L trả số tiền đã mượn 250.000.000 đồng theo hợp đồng cho cá nhân mượn tiền ký ngày 04/6/2018 giữa các bên. Đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn cư trú tại số 08, đường N, tổ 3, khu phố 2, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Đào Thị Kim L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng tại phiên tòa hôm nay vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Bà Liễu Thị Xuân H yêu cầu bà Đào Thị Kim L có trách nhiệm trả cho bà H số tiền theo hợp đồng cho cá nhân mượn tiền ký ngày 04/6/2018 tổng cộng là 250.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét số tiền bà H cho bà L mượn là 250.000.000 đồng, và hẹn đến ngày 18/6/2018 sẽ hoàn trả số tiền nêu trên, có bà Đặng Thị P làm chứng, nhưng đến hôm nay bà L vẫn chưa trả tiền. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà L không thanh toán đúng thỏa thuận. Việc bà L không trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà H, vi phạm khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 về nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Như vậy yêu cầu bà L trả tiền nợ vay đã nêu trên của bà H là có cơ sở để chấp nhận.

[6] Xét đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi phát biểu ý kiến đề nghị khắc phục vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận.

[7] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đào Thị Kim L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho bà H, đồng thời hoàn lại cho bà H số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 58, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Liễu Thị Xuân H:

Buộc bà Đào Thị Kim L phải thanh toán cho bà Liễu Thị Xuân H số tiền 250.000.000 (hai trăm năm mươi lăm triệu) đồng.

Thi hành ngay sau khi bản án phát sinh hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án mà bà L không thi hành số tiền trên thi hàng tháng bà L phải chịu thêm tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định của pháp luật.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Đào Thị Kim L phải chịu án phí là 12.500.000 (mười hai triệu năm trăm nghìn) đồng;

- Hoàn lại cho bà Liễu Thị Xuân H số tiền tạm ứng án phí là 6.250.000 (sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0032911 ngày 12/7/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Củ Chi.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

3. Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND H. Củ Chi;
- CCTHA DS Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Quang Định